TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 16/2022/DS-PT
Ngày 10-01-2023
V/v: tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Thế Lệ;
ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án số 03/2020/DSST ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12314/2022/QĐ-PT ngày 12-12-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Hoàng Thị H sinh năm 1940; có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: chị Ngô Thị V; có mặt.

Đều trú tại: Xóm H, xã M, thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: anh Lê Văn P sinh năm 1971; trú tại: Xóm H, xã M, thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Minh Tâm sinh năm 1988; trú tại: KĐT T, xã C, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đỗ Duy H- Công ty luật TNHH D, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Các chị Lê Thị A sinh năm 1963, Lê Thị B sinh năm 1966, Lê Thị C sinh năm 1971, Lê Thị D sinh năm 1973; Lê Thị E sinh năm 1976.

+ Anh Lê Văn F sinh năm 1976.

Chị B, chị C và anh F đều có mặt. Chị A, chị D, chị E đều vắng mặt.

+ Chị Ngô Thị V sinh năm 1971 và ba con là: Lê Thị M, sinh năm 1992, Lê Thị N, sinh năm 1994 và Lê Văn L, sinh năm 2000. Chị V có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị X sinh năm 1973 (vợ của anh P); có mặt.

Đều trú tại: Xóm H, xã M, thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ủy ban nhân dân thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Xuân T - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Hạt kiểm lâm thị xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện hợp pháp: ông Đinh Đức H - Phó hạt kiểm lâm; có mặt.

- Người kháng cáo: bị đơn - anh Lê Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H (bà H có chồng là ông Lê Văn Â, chết năm 2007) khởi kiện anh Lê Văn P về việc yêu cầu hủy môt phần giấy chứng nhận QSD đất của anh P đối với diện tích đất gia đình bà đang quản lý sử dụng. Cụ thể thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4 (sau đây viết là thửa số 3, TBĐ số 4), diện tích đất này anh P đã được UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp GCNQSD đất Số 0799720 ngày 17-12-1999 và đề nghị công nhận QSD đất cho gia đình bà đối với diện tích đất này.

Nguồn gốc đất bà H trình bày: do Nông trường giao cho ông Vũ Văn Ư để trồng rừng, ông Ư không sử dụng hết nên đã cho gia đình bà sử dụng để trồng cây từ những năm 1990, gia đình bà trồng cây và thu hoạch rất nhiều đợt và không có tranh chấp gì, hiện nay gia đình bà vẫn đang trồng cây ở các lứa tuổi khác nhau. Vị trí diện tích đất phía đông bắc giáp nhà ông Vĩnh, phía tây nam giáp đường đi xóm Lầy, diện tích đất khoảng gần 700 m^2 . Gia đình bà chưa được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất này, đến năm 2017, khi có thông báo của UBND xã Đ về việc ai chưa làm thủ tục cấp GCNQSD đất thì kê khai để cấp, bà có lên UBND xã để kê khai thì cán bộ địa chính xã cho biết mảnh đất của bà đã được cấp bìa đỏ mang tên Lê Văn P. Bà đã nhiều lần yêu cầu anh P trả lại đất cho bà và điều chỉnh GCNQSD đất, tranh chấp cũng đã được UBND xã Đ hòa giải, nhưng anh P không nghe. Do vậy bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của anh P đối với diện tích đất này và công nhận QSD đất cho gia đình bà.

Bị đơn anh Lê Văn P trình bày: nguồn gốc đất bà H khởi kiện là do anh khai phá từ năm 1989. Bố anh là ông Lê Văn Bất công tác tại UBND xã Đ đến năm 1990 mới về nghỉ hưu, khi kê khai để cấp gạo, cấp cây theo dự án pam là do bố anh kê khai tên bố anh để cấp gạo cấp cây, gia đình anh còn được cấp 01 sổ (bìa màu

xanh) về diện tích đất rừng anh khai phá. Sau khi khai phá đất, nhận cây và gạo theo dự án thì bố anh có cho vợ chồng ông Â, bà H mượn một phần để trồng cây, nói khi nào gia đình anh cần thì lấy lại. Năm 1991 anh xây dựng gia đình, năm 1994 bố anh chết, anh ở chung cùng bố, mẹ cho đến khi lấy vợ vẫn ở cùng. Năm 1996 anh kê khai cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất trồng Pam anh đã khai phá, bao gồm cả phần diện tích đất cho gia đình bà H mượn. Khi kê khai phần đất này anh không thông báo cho các anh em trong gia đình, cũng như gia đình bà H biết, lí do là đất gia đình anh cho bà H mượn và anh chị em của anh đã xây dựng gia đình và ra ở riêng. Anh P không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Các con của bà H: chị Lê Thị A, chị Lê Thị B, chị Lê Thị C, chị Lê Thị D, chị Lê Thị E, anh Lê Văn F, chị Ngô Thị V (là con dâu) đều xác định đất có nguồn gốc của ông Ư cho bố, mẹ là ông Â, bà H để trồng cây từ những năm 1989, 1990 nên xác định là đất của ông Â, bà H nên không yêu cầu quyền lợi và không có ý kiến gì.

Chị Nguyễn Thị X (vợ của bị đơn anh P) có ý kiến: chị về làm dâu gia đình anh P từ năm 1991, khi chị về làm dâu thì chị có được nghe bố chồng chị và anh P nói là đất gia đình mình không sử dụng hết thì cho gia đình ông Â mượn, lúc này cây đã được trồng rồi và chị chỉ vun xới cây trên đồi. Ngoài ra chị không có ý kiến gì.

UBND thị xã Y có ý kiến: đối với tranh chấp về QSD đất giữa hộ bà Hoàng Thị H và anh Lê Văn P, về nguồn gốc đất là do nhà nước giao cho nông trường chè Bắc Sơn quản lý như vậy thuộc quản lý của Nhà nước. Nông trường chè đã giao trả lại thị xã Y một phần đất do nông trường quản lý. Theo đo đạc và trình bày của các đương sự thì đất tranh chấp tại thửa số 3, TBĐ số 4, diện tích thực tế 5.485,3 m^2. Theo GCNQSD đất của anh P thì diện tích đất tranh chấp + diện tích đất anh P đang sử dụng so với GCNQSD đất có sự chênh lệch rất lớn. Căn cứ vào thực trạng sử dụng đất của bà H đã được anh P thừa nhận bà H đã sử dụng trồng cây Lâm nghiệp từ năm 1990 đến nay. Anh P cho rằng được cấp đất nhưng không sử dụng là không đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của người đại diện của Hạt kiểm lâm thị xã Y: đất núi Đinh thuộc xóm Hồ, xã Đ trước đó thuộc đất của Nông trường chè Bắc Sơn quản lý. Do nông trường đất rộng không sử dụng hết nên một phần cho khoán lại, một phần bị dân lấn chiếm canh tác. Đất tranh chấp hiện nay thuộc tiểu khu 431, khoảnh 4, lô 3(2), diện tích 1,02 ha, đo thực tế 5.485,3 m^2. Theo quy định khi người dân tham gia dự án Pam được nhà nước giao cây, giao đất, giao gạo để thực hiện dự án phải sử dụng đất, trồng cây, chăm sóc cây, không được cho người khác mượn sử dụng. Trong biểu thống kê kết quả kiểm kê rừng trồng theo dự án 3352 năm 1994 có tên ông Lê Văn Bất, bố của anh P. Biểu thống kê diện tích giao đất lâm nghiệp năm 1998 là tên anh P, anh P không có giấy tờ của bố anh cho anh đất khi được cấp GCNQSD đất. Anh P cho rằng đã khai hoang đất tranh chấp sau đó cho bố anh là ông Bất kê khai lập danh sách lấy gạo thực hiện dự án pam nhưng lại không sử dụng đất cho người khác mượn là không đúng theo quy định khi thực hiện dự án Pam. Về thực tế

nếu bà H đã sử dụng từ năm 1990, có cộng đồng khu dân cư thừa nhận, có ranh giới sử dụng rõ ràng thì phải công nhận quyền sử dụng cho gia đình bà H.

Những người làm chứng:

Người đại diện của UBND xã Đ có ý kiến: ông P có GCNQSD đất nhưng thực tế lại không sử dụng. Theo quy định về việc sử dụng đất rừng là không đúng. Theo ông P khai là được cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng không sử dụng và cho bà H mượn và bà H xác định bà H sử dụng từ năm 1990 cho đến nay, không có tranh chấp với hộ liền kề. Quan điểm của UBND xã người sử dụng đất lâm nghiệp có thời gian sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, được cộng đồng khu dân cư thừa nhận thì được cấp GCNQSD đất. Đồng ý với quan điểm của UBND thị xã Y hủy GCNQSD đất của anh P.

Ý kiến của bà M trưởng xóm Hồ I, xã Đ, thị xã Y: năm 2016, 2017 theo chủ trương của UBND thị xã, xã Đ yêu cầu các hộ dân chưa được cấp GCNQSD đất thì kê khai để cấp GCNQSD đất. Hộ bà H có đơn xin cấp, nhưng khi bà H làm thủ tục thì cán bộ địa chính xã trả lời "đất bà H đang sử dụng đã có trong GCNQSD đất của anh Lê Văn P". Khi xảy ra tranh chấp trưởng xóm đã khuyên anh P trả lại đất cho bà H, lý do đất bà H dưới chân núi, đất anh P trên đỉnh núi. Bà H sử dụng đất có ranh giới rõ ràng, có nhiều hộ dân cùng sử dụng đất xác nhận cho bà H, nhưng anh P không đồng ý A giải. Đề nghị cơ quan chức năng làm rõ việc cấp GCNQSD đất cho anh P. Lý do thực tế anh P sử dụng đất ít hơn nhiều so với giấy CNQSD đất anh P được cấp, anh P được nhà nước cấp cây, cấp gạo theo dự án Pam nhưng thực tế lại không sử dụng.

Ông Vũ Văn Ư: nguồn gốc đất tranh chấp là đất rừng, vợ chồng ông Â, bà H sử dụng là được ông cho làm cùng. Đất trước đây của Nông trường chè Bắc Sơn giao trồng rừng theo dự án Pam, do ông không sử dụng hết nên đã cho mọi người khác cùng sử dụng trong đó có vợ chồng bà H. Anh P nói rằng đất của gia đình anh P khai phá là không đúng, anh P và gia đình anh P chưa bao giờ sử dụng diện tích đất này. Gia đình anh P có ít đất trên đỉnh đồi nhưng không phải diện tích đất đang tranh chấp hiện nay với gia đình bà H.

Anh Lê Văn I (con rể của bà H và là anh trai của anh Lê Văn P) có ý kiến: tại khu vực đất núi Đanh, anh cũng có một diện tích đất (ở phía dưới) hiện đang trồng keo, diện tích khoảng gần 1000 m^2. Diện tích đất bà H đang sử dụng nhưng lại có trong GCNQSD đất của anh P, anh thấy bà H đã sử dụng nhiều năm nay, anh P cũng có đất rừng nhưng ở phía trên đỉnh đồi, từ khi sử dụng không có tranh chấp với ai đến năm 2017 mới xảy ra tranh chấp. Anh P nói bố anh cho bà H, ông Â mượn nhưng anh không được biết.

Ông Nguyễn Văn Z1, ông Nguyễn Ngọc Z2, ông Hoàng Văn Z3, ông Lê Văn Z4, đều xác định gia đình bà H sử dụng đất tranh chấp để trồng cây Lâm nghiệp từ năm 1990 đến nay không có tranh chấp.

Tại Bản án số 03/2020/DSST ngày 30-9-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã áp dụng khoản 9 Điều 26; các điều 37, 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều

32 Luật tố tụng hành chính; các điều 688; Điều 15; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203; Điều 100, khoản 4 Điều 102 Luật đất đai 2013; quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H.

Hủy một phần GCNQSD đất Số 0799720 do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp cho anh Lê Văn P ngày 17-12-1999. Cụ thể: hủy việc cấp thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính (theo giấy chứng nhận QSD đất diện tích là 10.200,00 m^2) GCNQSD đất Số 0799720 do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp cho anh Lê Văn P ngày 17-12-1999, loại đất rừng trồng, thuộc xóm Hồ I, xã Tân Đức, huyện Y, Thái Nguyên.

Công nhận diện tích 5.485,3 m^2 (diện tích thực tế) của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính, thuộc xóm Hồ I, xã Đ, thị xã Y, Thái Nguyên cho bà Hoàng Thị H (do ông Â chồng bà H đã chết năm 2007 và các con của ông Â, bà H không có tranh chấp) *(có sơ đồ chi tiết kèm theo)*.

Bà Hoàng Thị H có trách nhiệm kê khai và đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất 5.485,3 m^2 hiện đang sử dụng trồng cây lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08-10-2020, bị đơn là anh Lê Văn P kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, người đại diện của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; với lí do: nguồn gốc thửa đất là do gia đình anh P khai phá, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng đơn khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu trả lại diện tích đất tranh chấp, không yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh P; ngoài ra, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ cho rằng gia đình bà H được giao quản lí, sử dụng hợp pháp diện tích đất đang tranh chấp này; ranh giới thửa đất tranh chấp không được phân định rõ ràng, cụ thể; do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo quy định.

Nguyên đơn và người đại diện đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H là đúng; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.] Về tố tụng

Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; ngoài nội dung đề cập trong đơn khởi kiện, thì tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã yêu cầu cụ thể hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lí, giải quyết vụ án là đúng.

[2.] Về nội dung: xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H về việc tranh chấp QSD đất đối với thửa đất số 3, TBĐ số 4, đã được UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp giấy chứng nhận QSD đất Số 0799720, ngày 17-12-1999 cho anh Lê Văn P, diện tích theo GCNQSD đất là 10.200,00 m^2 loại đất rừng trồng. Diện tích thực tế 5.485,3 m^2 đất rừng và yêu cầu hủy một phần GCNQSD đất của anh P đối với thửa đất số 3, TBĐ số 4.

Về nguồn gốc đất tranh chấp, nguyên đơn bà H khai: do Nông trường Bắc Sơn giao cho ông Vũ Văn Ư để trồng rừng từ những năm 1989, 1990, ông Ư không sử dụng hết nên đã cho gia đình bà sử dụng để trồng cây lâm nghiệp từ năm 1990. Từ sau khi được ông Ư cho, gia đình bà đã trồng cây lâm nghiệp và thu hoạch rất nhiều đợt không có tranh chấp gì, hiện nay gia đình bà vẫn đang trồng cây ở các lứa tuổi khác nhau. Đến năm 2017 khi được UBND xã thông báo những gia đình nào có đất chưa kê khai để cấp GCNQSD đất, bà lên xã kê khai lúc này bà mới biết đất của gia đình bà đã cấp vào GCNQSD đất của anh P thửa số 3, TBĐ số 4.

Bị đơn anh P khai là do anh khai hoang từ những năm 1989, 1990 sau cho vợ chồng bà H, ông Â mượn trồng cây từ năm 1990, khi mượn không có giấy tờ, chỉ thỏa B miệng khi nào cần thì vợ chồng bà H, ông Â phải trả lại. Việc cấp GCNQSD đất là do anh tự kê khai, lúc kê khai anh không nói cho bà H, cũng như anh, chị em trong gia đình anh biết vì là đất của anh cho bà H mượn và anh chị em của anh cũng đã lấy chồng và ra ở riêng.

Lời khai của các con của bà H nhất trí lời khai của bà H về nguồn gốc đất là của bà H, ông Â được ông Ư cho sử dụng trồng cây lâm nghiệp từ năm 1990 đến nay không có tranh chấp.

Lời khai của chị X vợ anh P nhất trí như lời khai của anh P.

Quan điểm của UBND xã Đ, UBND thị xã Y: xác định việc cấp GCNQSD đất cho anh P là không đúng hiện trạng sử dụng vì là đất Lâm nghiệp, anh P và gia đình không sử dụng từ năm 1990 đến nay.

Những người làm chứng là ông Ư, anh Vui (anh trai của anh P), bà Nguyễn Thị Mỹ (trưởng xóm H), ông Nguyễn Văn Thu, ông Nguyễn Ngọc Lý, ông Hoàng Văn Hai, ông Lê Văn Lợi là những người dân sống tại địa phương đều xác định là đất của Nông trường Bắc Sơn, sau giao cho các hộ dân sử dụng để triển khai trồng rừng theo dự án Pam. Gia đình anh P chưa sử dụng đất này bao giờ mà là gia đình bà H sử dụng.

Như vậy, có căn cứ xác định gia đình bà H, ông Â đã sử dụng diện tích đất này để trồng cây lâm nghiệp từ năm 1990, anh P và gia đình anh P chưa sử dụng bao giờ. Năm 1999 anh P được cấp GCNQSD đất là do anh P tự kê khai để cấp, tại thời điểm cấp GCNQSD đất cho anh P năm 1999 thì gia đình bà H vẫn đang sử dụng trồng cây, bản thân anh P cũng xác định, thời điểm anh kê khai xin cấp GCNQSD đất anh không nói cho bà H cũng như anh, chị em trong gia đình anh biết vì là đất của anh cho bà H mượn và anh chị em của anh cũng đã lấy chồng và ra ở riêng. Tranh chấp đất xảy ra từ năm 2017 khi bà H lên xã để xin cấp GCNQSD đất, được cán bộ địa chính xã Đ thông báo diện tích đất gia đình bà sử dụng từ năm 1990 đã cấp vào GCNQSD đất của anh P.

Năm 1999, UBND huyện Y (nay là thị xã Y) đã cấp GCNQSD cho anh P thửa đất số 3, TBĐ số 4, diện tích 10.200,00 m^2 loại đất rừng trồng là không đúng người sử dụng và không đúng với hiện trạng đất vì có sự chênh lệch rất lớn giữa diện tích thực tế (5.485,3 m^2) và diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất (10.200,00 m^2).

Với các lí do trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H về việc hủy một phần GCNQSD đất số 0799720, ngày 17-12-1999 mang tên anh Lê Văn P do UBND huyện Y (nay là thị xã Y) cấp. Cụ thể là thửa đất số 3, TBĐ số 4, diện tích 10.200,00 m^2 loại đất rừng. Căn cứ vào thực tế sử dụng công nhận quyền sử dụng đất cho bà H 5.485,3 m^2 đất RT (rừng trồng).

Giá trị diện tích đất tranh chấp, theo kết quả của Hội đồng định giá xác định 5.485,3 m^2 x 50.000 đ/m^2 = 274.000.000 đồng. Cây trồng trên đất được xác định là của bà H không có tranh chấp.

Về chi phí tố tụng: chi phí thẩm định, định giá, nguyên đơn bà H đã nộp 9.000.000 đồng và chi phí xong, bà H có ý kiến yêu cầu anh P phải hoàn trả cho bà. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H nên buộc anh P phải hoàn trả bà H số tiền này.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh P.

[3]. Về án phí: anh Lê Văn P phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Giữ nguyên Bản án số 03/2020/DSST ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Lê Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận anh P đã nộp số tiền này vào ngày 20-10-2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THA dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam